



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

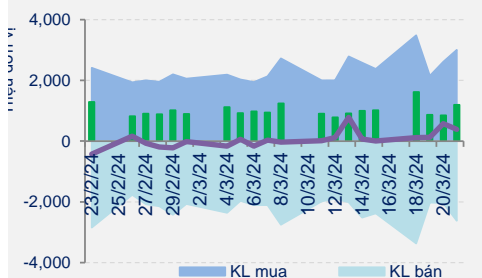
21/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

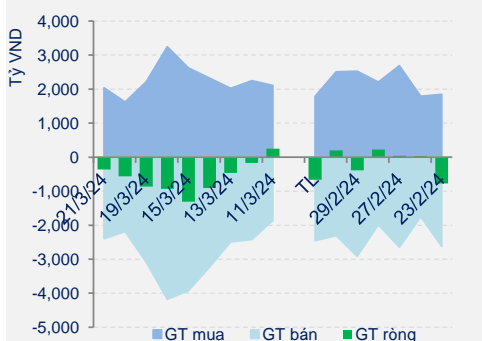
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,276.42	241.14
% Thay đổi	↑ 1.30%	↑ 1.31%
KLGD (CP)	1,198,159,108	165,895,893
GTGD (tỷ đồng)	29,571.55	3,597.63
Tổng cung (CP)	2,618,322,063	257,191,500
Tổng cầu (CP)	3,005,149,006	219,170,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	69,184,422	2,891,768
KL mua (CP)	73,372,673	6,735,200
GT mua (tỷ đồng)	2,038.97	162.76
GT bán (tỷ đồng)	2,397.70	71.45
GT ròng (tỷ đồng)	(358.73)	91.32

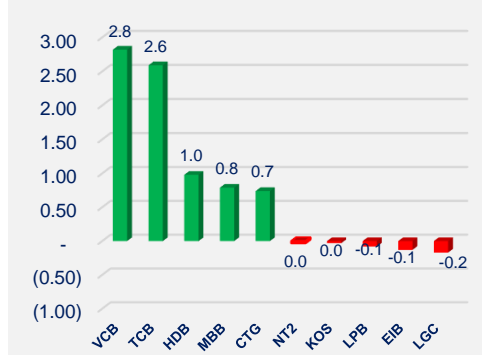
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đón nhận thông tin sau cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày, Ủy ban Thị trường mở Liên bang Mỹ vẫn giữ nguyên lãi suất chuẩn ở mức 5,25% -5,5% từ tháng 7 năm 2023 và là mức cao nhất trong vòng 23 năm. Các quan chức FED cũng giữ nguyên dự kiến 3 đợt cắt giảm 0,25 điểm phần trăm trong năm nay. FED cũng nâng dự báo tăng trưởng GDP trong năm nay lên 2,1%, tăng so với ước tính 1,4% trong tháng 12. Các chỉ số chứng khoán Mỹ cũng đã vượt đỉnh trước thông tin này.

Thị trường tiếp tục có phiên giao dịch rất tích cực sau khi phục hồi mạnh trong phiên trước. VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá ngay từ đầu phiên lên mức quanh 1.270 điểm, rung lắc nhẹ trong phiên và tiếp tục duy trì xu hướng tăng tốt đến cuối phiên với thanh khoản gia tăng. Kết phiên VN-INDEX tăng 16,34 điểm (+1,30%) lên mức 1.276,42 điểm, tiệm cận giá cao nhất 1.275-1.278 giá cao nhất các ngày chịu áp lực điều chỉnh mạnh, nếu vượt qua được vùng giá này VN-INDEX sẽ có kỳ vọng lên lại vùng giá 1.285 điểm -1.295 điểm tương ứng vùng giá cao nhất tháng 08-09/2022. HNX-INDEX tăng 3,12 điểm (+1,31%) lên mức 241,14 điểm. Độ rộng thị trường rất tích cực với 497 mã tăng giá (16 mã tăng trần), 165 mã giảm giá (01 mã giảm sàn) và 135 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết gia tăng mạnh 35% so với phiên trước với 33.156,39 tỷ đồng được giao dịch, vượt mức trung bình. Cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang có dấu hiệu gia tăng trở lại sau những phiên chịu áp lực điều chỉnh mạnh khi tâm lý thị trường vẫn lạc quan. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng, mức độ bán ròng giảm dần trong 02 phiên gần đây trên HOSE với giá trị 358,73 tỷ đồng, mua ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 91,32 tỷ đồng.

Các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến giao dịch tích cực, dẫn dắt thị trường kiểm tra lại vùng giá cao nhất tuần trước khi nhiều mã vẫn tăng giá mạnh, thanh khoản khá đột biến nổi bật với TCB (+6,62%), HDB (+5,75%), VIB (+2,97%), OCB (+2,76%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như EIB (-1,62%), LPB (-0,88%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tích cực trở lại khi thanh khoản cải thiện cũng như trước những thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) công bố thông tin lấy ý kiến của các đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2020/TTBTC ngày 31/12/2020, nhiều mã tăng giá khá tốt, thanh khoản khá đột biến như VIG (+4,71%), SHS (+3,65%), VND (+3,63%), MBS (+2,44%)...

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến nổi bật, thu hút lực cầu gia tăng mạnh với thanh khoản rất đột biến ở nhiều mã, nổi bật với ASM (+6,99%), CCL (+6,98%), PDR (+6,96%), HPX (+6,87%), DIG (+4,28%)... nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su phân hóa hơn sau giai đoạn tăng mạnh, nhiều mã vẫn tăng giá mạnh tích cực như D2D (+6,91%), KBC (+4,86%), IDV (+2,37%)... ngoài các mã điều chỉnh như TIP (-0,38%), PHR (-0,16%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến khá tích cực với thanh khoản gia tăng tốt trở lại sau những phiên chịu áp lực điều chỉnh, nổi bật như CNG (+6,97%), PLX (+2,67%), PVB (+2,16%), PVS (+2,13%)... Thị trường tiếp tục có nhiều mã tăng giá mạnh trong từng nhóm ngành như HMR (+10,00%), DDV (+7,91%), CTR (+6,97%)...

Trên thị trường phái sinh, thị trường kết thúc đảo hạn kỳ hạn VN30F2403 và chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2404, VNF2404 tăng mạnh 22,5 điểm (+1,61%), chênh lệch dương 0,93 điểm so với VN30. Xu hướng ngắn hạn VNF2404 duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất 1.266 điểm tương ứng đỉnh giá tháng 09/2023, kháng cự quanh 1.283 điểm, giá cao nhất ngày 06/03/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch dương 0,54 điểm đến 243 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang có kỳ vọng lạc quan ngắn hạn trở lại khi VN30 đang vượt lên vùng đỉnh giá tháng 08-09/2023.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục đà tăng sau phiên hồi phục mạnh, chốt phiên Vn-Index tăng +16,34 điểm (+1,30%) và đóng cửa ở 1.276,42 điểm. Thị trường đã vận động theo kịch bản tích cực khi VnIndex hoàn thành nền tích lũy ngắn hạn và bùng nổ trong phiên hôm nay, xu hướng vận động ngắn hạn tiếp tục tích cực nhưng VnIndex sẽ sớm đối diện với cản mạnh 1.300 điểm và sẽ có rung lắc quanh ngưỡng này. Về trung hạn chúng tôi cho rằng.

Về góc nhìn trung hạn Vn-Index đang có đà tăng mạnh nhưng chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần có thêm thời gian để vận động tích lũy trước cản 1.300 điểm và chưa thể bùng nổ vượt cản tạo uptrend. Sau nhịp tăng khả năng thị trường sẽ điều chỉnh trở lại và vận động tích lũy trong kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

Vn-Index đã bùng nổ thoát nền tích lũy ngắn hạn nên xu hướng ngắn hạn vẫn tích cực nhưng VnIndex sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và có thể sẽ có rung lắc mạnh tại đây, nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi giá cao. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và đã trải qua nhiều nhịp rung lắc, tuy nhiên Vn-Index sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và chúng tôi không kỳ vọng thị trường sớm vượt cản này mà thiên về xu hướng thị trường điều chỉnh và tích lũy lại sau đà hưng phấn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp điều chỉnh và tích lũy lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	43.00	42.5-43.5	50-52	40	12.4	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	38.40	37-37.8	44-45	35	21.2	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
8/11/2023	PHR	63.90	45.1	64-65	61	41.7%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.35	27.55	32-33	31	17.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.80	18.09	23-24	21	26.0%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Giá xăng vượt 24.000 đồng một lít**

Mỗi lít xăng tăng 720-740 đồng, trong khi các mặt hàng dầu thêm 470-660 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 740 đồng, lên 24.280 đồng một lít; E5 RON 92 thêm 720 đồng, lên 23.210 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng và có giá mới 17.090-21.260 đồng một lít so với cách đây 7 ngày.

Xuất khẩu tiếp tục tăng cao, ấn tượng từ nhóm hàng chủ lực

Tổng trị giá xuất khẩu của cả nước trong kỳ 2 tháng 2/2024 đạt 14,73 tỷ USD, tăng 48,2% so với kỳ trước. Trong đó, một số nhóm hàng/mặt hàng chủ lực như: máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng; giày dép các loại; cà phê... có mức tăng rất cao... Theo số liệu thống kê sơ bộ được Tổng cục Hải quan công bố ngày 21/3/2024, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 2/2024 (từ ngày 16/2 đến ngày 29/2/2024) đạt 28,41 tỷ USD, tăng 46,7% (tương ứng tăng 9,05 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong kỳ 1 tháng 2/2024 (từ ngày 01/2 đến ngày 15/2/2024). Kết quả đạt được trong nửa cuối tháng 2/2024 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước trong 2 tháng đầu năm 2024 đạt 113,43 tỷ USD, tăng 18,1%, tương ứng tăng 17,37 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2023.

Việt Nam nhận 51,5 triệu USD từ WB cho giảm phát thải carbon

Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở khu vực Đông Á Thái Bình Dương nhận được khoản thanh toán dựa trên kết quả giảm phát thải từ Quỹ Đối tác carbon Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới. Đây là khoản chi trả đơn lẻ lớn nhất từng có từ Quỹ FCPF cho các kết quả giảm phát thải đã được xác minh và chất lượng cao... Ngày 21/3/2024, Ngân hàng Thế giới phát thông cáo công bố, Việt Nam đã nhận được khoản chi trả 51,5 triệu USD cho các kết quả giảm phát thải đã được xác minh ("tín chỉ carbon") do hạn chế được mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), tăng cường lưu trữ carbon thông qua trồng và tái tạo rừng.

Fed dự báo hạ cánh mềm, giữ triển vọng giảm lãi suất 3 lần trong năm 2024

Lần họp này của Fed, tâm điểm chú ý hướng vào báo cáo kinh tế cập nhật hàng quý... Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell ngày 20/3 nói rằng các báo cáo lạm phát nóng gần đây không làm thay đổi xu hướng áp lực giá cả giảm dần ở Mỹ. Ngân hàng trung ương này cũng duy trì ý định cắt giảm lãi suất 3 lần trong năm nay và khẳng định nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ duy trì được sự tăng trưởng vững vàng. Hoàn tất cuộc họp chính sách tiền tệ kéo dài hai ngày, Fed giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở mức cao nhất 23 năm là 5,25-5,5%, một quyết định không nằm ngoài dự báo trước đó của giới quan sát.



TIN DOANH NGHIỆP

Dệt may Thành Công đề xuất thưởng cổ phiếu 10% và không chia cổ tức tiền mặt năm 2023

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HOSE: TCM) đề xuất không trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông. Thay vào đó, TCM muốn thưởng cổ phiếu tỷ lệ 10% nhằm tăng vốn điều lệ lên gần 1,020 tỷ đồng. Phương án trên sẽ được TCM xin ý kiến cổ đông thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2024, dự kiến tổ chức ngày 05/04 tại số 431 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TPHCM, theo danh sách chốt ngày 02/04/2024.

Moody's nâng triển vọng của Techcombank từ 'tiêu cực' lên 'ổn định'

Công ty xếp hạng Moody's vừa nâng triển vọng của Techcombank từ 'tiêu cực' lên 'ổn định' cũng như giữ nguyên các xếp hạng đối với ngân hàng này. Moody's Ratings vừa công bố giữ nguyên xếp hạng tiền gửi ngân hàng dài hạn (LT) của đồng nội tệ (LC) và ngoại tệ (FC) của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) ở mức Ba3, tương tự như đợt xếp hạng vào tháng 3/2023. Đồng thời, điều chỉnh triển vọng từ "tiêu cực" thành "ổn định". Đồng thời, Moody's cũng giữ nguyên đánh giá tín dụng cơ bản (BCA) và BCA điều chỉnh của Techcombank ở mức ba3; đánh giá rủi ro đối tác LT LC và FC (CRR) ở mức Ba2 và rủi ro đối tác dài hạn (CR) ở mức Ba2 (cr).

Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (TEG) đặt kế hoạch lợi nhuận đi lùi trong năm 2024

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (mã chứng khoán TEG) vừa công bố tài liệu chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên với kế hoạch dự kiến doanh thu tăng trưởng 70% nhưng lợi nhuận giảm hơn 14% so với đạt được của năm ngoái. Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào 8h ngày 12/4/2024 tại Khách sạn Công đoàn Việt Nam (14 Trần Bình Trọng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

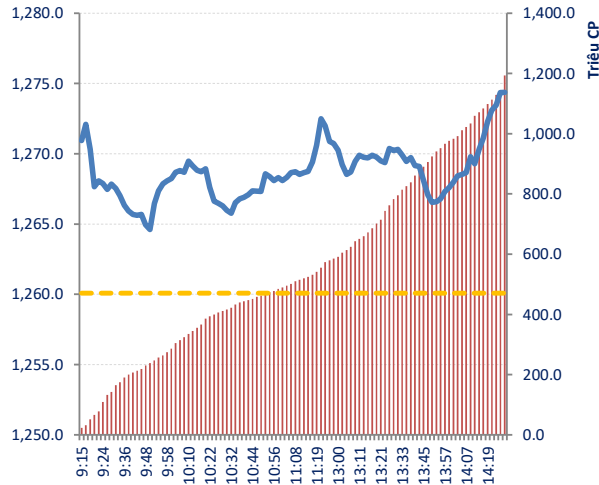
PNJ đạt 550 tỷ đồng lợi nhuận sau 2 tháng đầu năm

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2024, Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ) ghi nhận doanh thu thuần đạt 8.478 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 550 tỷ đồng. Theo báo cáo vừa công bố, hoạt động kinh doanh của PNJ tăng trưởng đều ở các kênh. Cụ thể, doanh thu trang sức của PNJ chiếm 65,8% trong tổng cơ cấu doanh thu (bao gồm 56,9% bán lẻ và 8,9% bán sỉ). Tính đến cuối tháng 2/2024, hệ thống PNJ có 402 trên 55 tỉnh thành. Trong đó, gồm 393 CH PNJ, 5 CH Style by PNJ, 3 CH CAO Fine Jewellery và 1 Trung tâm kinh doanh sỉ.

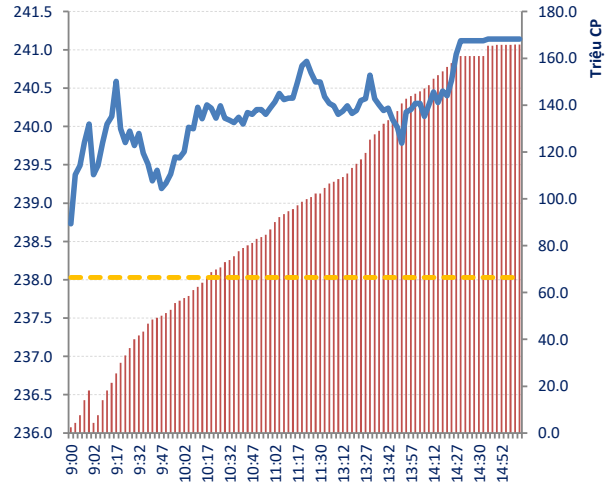


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

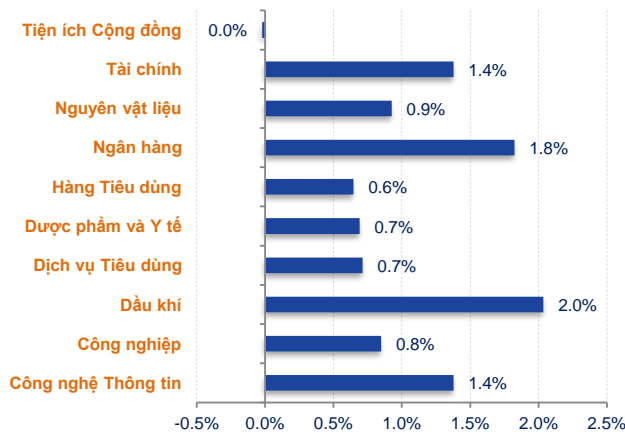
KLGD và VN-Index trong phiên



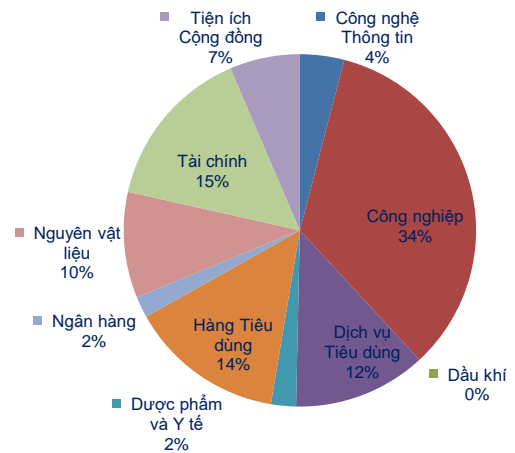
KLGD và HNX-Index trong phiên



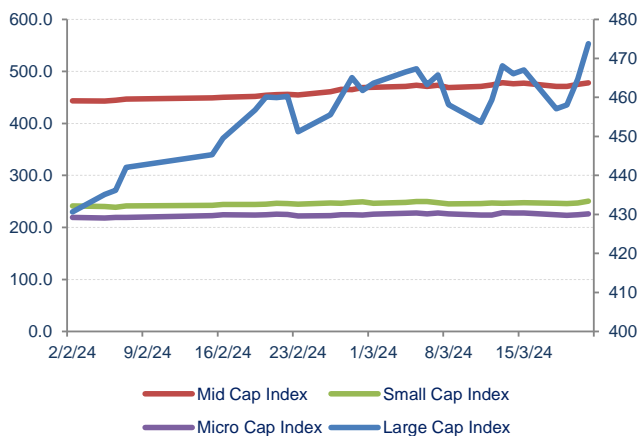
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



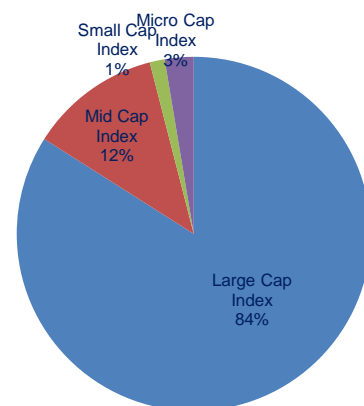
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	7,752,419	DIG	4,829,521
2	KBC	4,335,733	TCH	4,239,300
3	SSI	3,038,374	VHM	3,849,819
4	OCB	2,346,600	VNM	2,968,107
5	HHS	2,072,900	PVD	2,673,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,103,200	IVS	117,700
2	HUT	777,400	BVS	104,400
3	PVS	382,700	DTD	103,000
4	IDC	263,100	GKM	89,600
5	TNG	232,100	MST	85,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	23.40	24.25	↑ 3.63%	62,580,300
SHB	11.35	11.45	↑ 0.88%	56,736,900
DIG	30.40	31.70	↑ 4.28%	44,811,900
NVL	16.55	17.10	↑ 3.32%	42,529,800
PDR	28.75	30.75	↑ 6.96%	40,197,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	19.20	19.90	↑ 3.65%	58,075,662
CEO	22.60	23.40	↑ 3.54%	32,623,065
PVS	37.60	38.40	↑ 2.13%	14,453,784
HUT	18.90	19.40	↑ 2.65%	11,047,071
MBS	28.70	29.40	↑ 2.44%	5,638,431

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	6.28	7.53	1.25	↑ 19.90%
ASM	11.45	12.25	0.80	↑ 6.99%
CCL	8.74	9.35	0.61	↑ 6.98%
CNG	33.00	35.30	2.30	↑ 6.97%
CTR	119.10	127.40	8.30	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
VC6	14.60	16.00	1.40	↑ 9.59%
VLA	16.80	18.40	1.60	↑ 9.52%
HAD	15.80	17.30	1.50	↑ 9.49%
MAS	33.00	35.80	2.80	↑ 8.48%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRC	32.60	30.40	-2.20	↓ -6.75%
LGC	59.40	55.50	-3.90	↓ -6.57%
GTA	14.05	13.25	-0.80	↓ -5.69%
KHP	9.85	9.30	-0.55	↓ -5.58%
TDW	48.80	46.10	-2.70	↓ -5.53%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMS	34.00	30.70	-3.30	↓ -9.71%
KST	14.50	13.10	-1.40	↓ -9.66%
VCM	13.60	12.40	-1.20	↓ -8.82%
NAP	10.30	9.60	-0.70	↓ -6.80%
ONE	5.90	5.50	-0.40	↓ -6.78%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	62,580,300	13.0%	1,657	14.1	1.7
SHB	56,736,900	16.1%	2,064	5.5	0.8
DIG	44,811,900	2.2%	283	107.4	2.3
NVL	42,529,800	1.8%	413	40.1	0.7
PDR	40,197,300	7.3%	1,008	28.5	2.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	58,075,662	5.7%	688	27.9	1.5
CEO	32,623,065	3.1%	408	55.4	1.9
PVS	14,453,784	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	11,047,071	0.6%	82	230.8	1.5
MBS	5,638,431	12.3%	1,334	21.5	2.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	↑ 19.9%	-129.4%	(11,415)	-	3.9
ASM	↑ 7.0%	2.7%	625	18.3	0.5
CCL	↑ 7.0%	8.7%	971	9.0	0.8
CNG	↑ 7.0%	18.8%	3,142	10.5	1.9
CTR	↑ 7.0%	28.6%	4,515	26.4	6.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	↑ 10.0%	8.5%	1,171	11.1	0.9
VC6	↑ 9.6%	11.5%	1,793	8.1	0.9
VLA	↑ 9.5%	0.4%	64	263.9	1.5
HAD	↑ 9.5%	8.0%	1,501	10.5	0.9
MAS	↑ 8.5%	12.5%	856	38.6	4.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	7,752,419	13.0%	1,657	14.1	1.7
KBC	4,335,733	10.5%	2,600	12.7	1.3
SSI	3,038,374	10.1%	1,531	24.3	2.4
OCB	2,346,600	15.3%	2,034	7.1	1.0
HHS	2,072,900	8.0%	1,081	8.1	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,103,200	5.7%	688	27.9	1.5
HUT	777,400	0.6%	82	230.8	1.5
PVS	382,700	6.6%	1,812	20.7	1.3
IDC	263,100	22.6%	4,221	13.9	3.1
TNG	232,100	12.9%	1,988	11.0	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	520,903	21.7%	5,910	15.8	3.1
BID	302,123	19.0%	3,781	14.0	2.5
GAS	186,036	18.4%	5,053	16.0	2.8
VHM	185,061	20.2%	7,664	5.5	1.0
CTG	184,459	17.0%	3,723	9.2	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,305	22.6%	4,221	13.9	3.1
PVS	17,972	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	16,868	0.6%	82	230.8	1.5
SHS	15,613	5.7%	688	27.9	1.5
THD	13,436	3.0%	470	74.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	2.95	1.5%	317	107.4	1.6
VOS	2.64	9.7%	1,110	10.5	1.0
IDI	2.62	2.1%	318	39.0	0.8
DGW	2.45	14.0%	2,160	30.5	4.2
HAH	2.37	12.7%	3,526	12.2	1.4

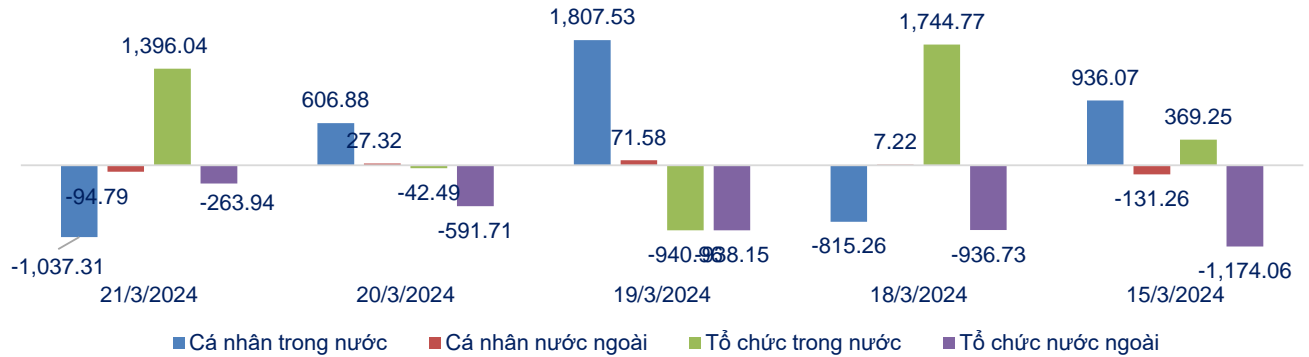
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.76	5.4%	758	15.7	1.1
SHS	2.45	5.7%	688	27.9	1.5
DTD	2.35	19.5%	4,328	6.7	1.2
MBS	2.27	12.3%	1,334	21.5	2.5
HUT	2.26	0.6%	82	230.8	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	137.53	26.2%	4,248	16.0	4.1
VHM	112.41	20.2%	7,664	5.5	1.0
DIG	95.44	2.2%	283	107.4	2.3
NVL	87.80	1.8%	413	40.1	0.7
PVD	81.88	4.0%	1,040	31.0	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-218.36	13.0%	1,657	14.1	1.7
SSI	-166.02	10.1%	1,531	24.3	2.4
MBB	-157.72	23.5%	3,965	6.1	1.3
STB	-127.49	18.3%	4,094	7.6	1.3
MWG	-108.63	0.7%	115	418.9	3.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	8.43	10.1%	1,531	24.3	2.4
VPB	7.21	8.3%	1,445	12.9	1.1
STB	5.50	18.3%	4,094	7.6	1.3
TPB	3.78	13.7%	2,019	9.2	1.3
VHC	2.85	11.0%	4,051	18.9	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-75.86	23.5%	3,965	6.1	1.3
DIG	-17.29	2.2%	283	107.4	2.3
MWG	-9.05	0.7%	115	418.9	3.0
TCH	-8.10	5.1%	890	16.8	0.8
HPG	-5.23	6.9%	1,175	25.5	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	157.73	23.5%	3,965	6.1	1.3
MSN	153.15	1.1%	293	263.5	2.9
FPT	87.38	23.4%	5,101	22.4	4.9
ACB	84.46	24.8%	4,131	6.7	1.5
HDB	78.73	23.6%	3,482	6.5	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-164.93	10.5%	2,600	12.7	1.3
NVL	-63.79	1.8%	413	40.1	0.7
VCG	-45.36	3.8%	707	35.6	1.3
CII	-30.26	2.1%	649	29.5	0.7
NT2	-29.38	10.6%	1,643	15.1	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	191.62	13.0%	1,657	14.1	1.7
KBC	146.73	10.5%	2,600	12.7	1.3
SSI	106.06	10.1%	1,531	24.3	2.4
MBB	75.85	23.5%	3,965	6.1	1.3
MWG	60.12	0.7%	115	418.9	3.0

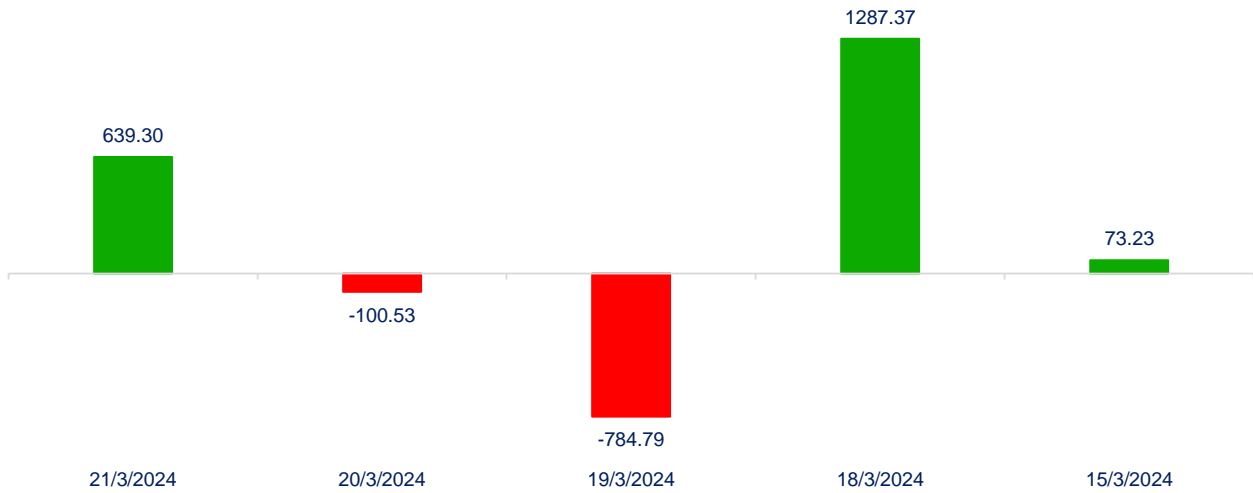
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-203.42	26.2%	4,248	16.0	4.1
MSN	-169.54	1.1%	293	263.5	2.9
VHM	-163.38	20.2%	7,664	5.5	1.0
DIG	-129.59	2.2%	283	107.4	2.3
PVD	-85.98	4.0%	1,040	31.0	1.2

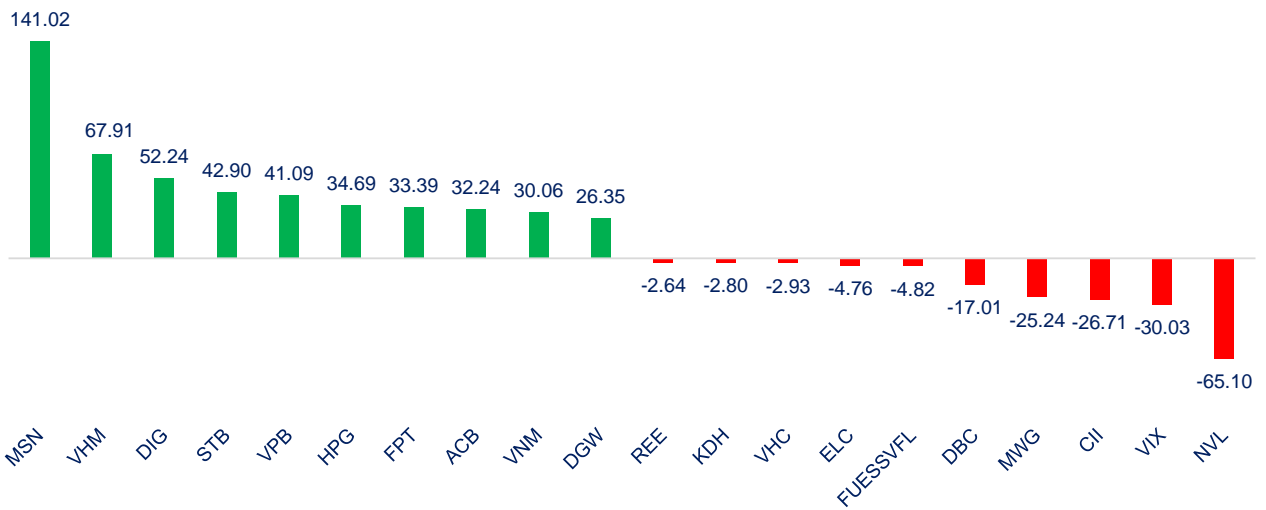


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn